|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT VÕ VĂN TẦN****PHÒNG THI :****MÃ SỐ / SBD :****10****MÃ ĐỀ :** | **BÀI** **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I****HKI – NĂM HỌC : 2023 – 2024****MÔN: VẬT LÍ 10 (20 câu TN) – BAN KHXH****Thời gian làm bài: 30 phút** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm bài thi:** | **Chữ ký giám khảo** | **Điểm trừ** (Giám thị ghi rõ lỗi vi phạm) | **Chữ ký giám thị** |
| **Điểm TN:** |  |  |  |
| **Điểm TL:** |

***Lưu ý:*** *Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và* ***tô kín một ô tròn*** *tương ứng với phương án trả lời đúng****.***

 **01**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **05** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **09** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **13** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **17** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

 **02** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **06** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **10** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **14** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **18** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

 **03** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **07**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **11**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **15** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **19** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

 **04** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **08** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **12**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **16** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **20** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

**PHẦN A – TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Thước thích hợp để đo bề dày quyển sách Vật lí 10 là

 **A.** thước cuộn có giới hạn đo 3 m và độ chia nhỏ nhất 5 cm.

 **B.** thước dây có giới hạn đo 1 m và độ chia nhỏ nhất 1 cm

 **C.** thước thẳng có giới hạn đo 1,5 m và độ chia nhỏ nhất 1 cm.

 **D.** thước kẻ có giới hạn đo 10 cm và độ chia nhỏ nhất 1 mm.

**Câu 2.** Chọn câu khẳng định **đúng**. Đứng ở Trái Đất ta sẽ thấy

 **A.** Trái Đất đứng yên, Mặt Trời và Mặt Trăng quay quanh Trái Đất.

 **B.** Mặt Trời và Trái Đất đứng yên, Mặt Trăng quay quanh Trái Đất.

 **C.** Mặt Trời đứng yên, Trái Đất quay quanh Mặt Trời, Mặt Trăng quay quanh Trái Đất.

 **D.** Mặt Trời đứng yên, Trái Đất và Mặt Trăng quay quanh Mặt Trời.

**Câu 3.** Một lực không đổi có độ lớn 0, 8 N tác dụng vào một vật có khối lượng 400 g làm nó chuyển động thì độ lớn của gia tốc có giá trị bằng

 **A.** 2 m/s2. **B.** 500 m/s2. **C.** 320 m/s2. **D.** 5 m/s2.

**Câu 4.** Một vật có khối lượng M, được ném ngang với vận tốc ban đầu v0 ở độ cao h. Bỏ qua sức cản của không khí. Tầm bay xa của vật phụ thuộc vào

 **A.** M, v0 và h. **B.** M và h. **C.** v0 và h. **D.** M và v0.

**Câu 5.** Một dây treo chỉ chịu được lực căng giới hạn là 20 N, người ta treo một vật khối lượng 1500 g vào một đầu dây. Hỏi dây có bị đứt không? Lấy  g = 10 m/s2.

 **A.** dây bị đứt.  **B.** không xác định được.

 **C.** dây không bị đứt. **D.** còn phụ thuộc vào kích thước của vật.

**Câu 6.** Một hòn bi ở trong nước chịu tác dụng của

 **A.** lực đẩy Archimedes. **B.** trọng lực và lực đẩy Archimedes.

 **C.** lực đẩy Archimedes và lực ma sát. **D.** trọng lực.

**Câu 7.** Một vật có khối lượng 800g, trọng lượng của nó có giá trị gần đúng là

 **A.** 800 N. **B.** 8000 N. **C.** 8 N. **D.** 80 N.

**Câu 8.** Độ lớn lực ma sát trượt **không** phụ thuộc vào những yếu tố nào?

 **A.** Vật liệu làm vật**. B.** Diện tích tiếp xúc và vận tốc của vật.

 **C.** Áp lực lên mặt tiếp xúc. **D.** Điều kiện về bề mặt.

**Câu 9.** Công thức liên hệ giữa vận tốc, gia tốc và quãng đường đi được trong chuyển động thẳng biến đổi đều?

 **A.** v2 - v02 = 2as. **B.** v + v0 = $\sqrt{2as}$. **C.** v - v0 = $\sqrt{2as}$. **D.** v2 + v02 = 2as.

**Câu 10.** Trong chuyển động thẳng đều

 **A.** tọa độ x tỉ lệ thuận với tốc độ v.  **B.** tọa độ x tỉ lệ thuận với thời gian chuyển động t.

 **C.** quãng đường đi được s tỉ lệ nghịch với tốc độ v.

 **D.** quãng đường đi được s tỉ lệ thuận với thời gian chuyển động t.

**Câu 11.** Quán tính là

 **A.** tính chất của mọi vật có xu hướng bảo toàn gia tốc của chuyển động.

 **B.** tính chất của mọi vật có xu hướng bảo toàn tốc độ chuyển động của nó.

 **C.** tính chất của mọi vật có xu hướng bảo toàn vận tốc chuyển động của nó.

 **D.** tính chất của mọi vật có xu hướng bảo toàn lực tác dụng lên vật.

**Câu 12.** Một con cá đang bơi trong nước chịu tác dụng của lực cản F = 0,35v ( v là tốc độ tức thời tính theo đơn vị m/s). Hãy tính lực tối thiểu để con cá đạt được tốc độ 4 m/s, giả sử con cá bơi theo phương ngang.

 **A.** 2,5 N. **B.** 3,9 N. **C.** 1,4 N. **D.** 5 N.

**Câu 13.** Chuyển động của vật nào dưới đây có thể coi như chuyển động rơi tự do?

 **A.** Một chiếc thang máy đang chuyển động đi xuống. **B.** Một chiếc lá đang rơi .

 **C.** Một viên gạch rơi từ độ cao 3 m xuống đất. **D.** Một vận động viên nhảy dù đang rơi khi dù đã mở.

**Câu 14.** Biển báo dưới đây có ý nghĩa gì?



 **A.** Biển cảnh báo chất độc. **B.** Biển cảnh báo nguy cơ dễ cháy.

 **C.** Biển cảnh báo bề mặt nóng. **D.** Biển báo đeo mặt nạ phòng độc.

**Câu 15.** Đáp án nào sau đây gồm 1 đơn vị cơ bản và 1 đơn vị dẫn xuất?

 **A.** Mét, kenvin. **B.** Niutơn, giây. **C.** Paxcan, oát. **D.** Candela, kilôgam.

**Câu 16.** Ném một vật nhỏ theo phương nằm ngang với vận tốc ban đầu là 4 m/s, tầm xa của vật là 20 m. Thời gian rơi của vật là

 **A.** 2 s. **B.** 5 s. **C.** 1 s. **D.** 4 s.

**Câu 17.** Trong các trường hợp sau, trường hợp nào vật chịu tác dụng lực cản của nước?

 **A.** Một chiếc ca nô đang neo đậu tại bến.  **B.** Bạn An đang tập bơi.

 **C.** Một khúc gỗ đang trôi theo dòng nước chảy nhẹ.

 **D.** Một vật đang nằm lơ lửng cân bằng trong nước.

**Câu 18.** Theo định luật II Newton, nếu độ lớn lực tác dụng lên vật giảm 9 lần thì độ lớn gia tốc sẽ

 **A.** không đổi. **B.** giảm 9 lần. **C.** giảm đi 3 lần. **D.** tăng lên 9 lần.

**Câu 19.** Kết luận nào sau đây là đúng khi nói về độ dịch chuyển và quãng đường đi được của một vật.

 **A.** Độ dịch chuyển và quãng đường đi được đều là đại lượng không âm.

 **B.** Độ dịch chuyển và quãng đường đi được đều là đại lượng vô hướng.

 **C.** Độ dịch chuyển và quãng đường đi được đều là đại lượng vectơ.

 **D.** Độ dịch chuyển là đại lượng vectơ còn quãng đường đi được là đại lượng vô hướng.

**Câu 20.** Lực căng dây **không** có đặc điểm nào sau đây?

 **A.** Chiều luôn hướng vào giữa sợi dây. **B.** Điểm đặt ở hai đầu dây, chỗ tiếp xúc với vật.

 **C.** Chiều luôn hướng vào tâm Trái Đất. **D.** Phương trùng với phương sợi dây.

***------ HẾT ------***